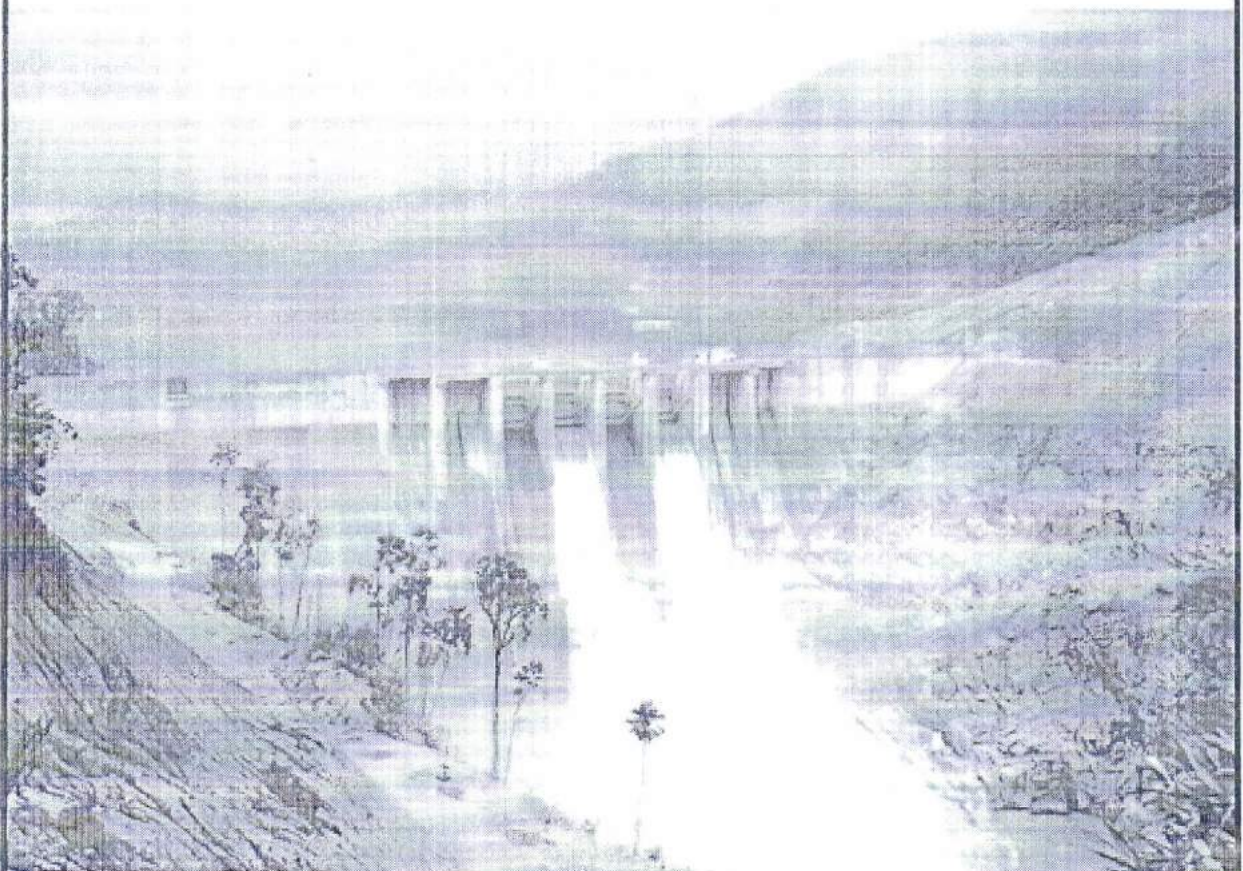




**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An  
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020**



*Nghệ An, tháng 02 năm 2021*

Số 85 /BC-HHC

Nghệ An, ngày 23 tháng 02 năm 2021

**BÁO CÁO**  
**Thường niên năm 2020**

Kính gửi :       - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
                      - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900797430 đăng ký sửa đổi lần thứ 9 ngày 30/06/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.
- Vốn điều lệ: 2.352.322.100.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.352.322.100.000 đồng.
- Địa chỉ: Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung , thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Số điện thoại: 02383.588.766.
- Số fax: 02383.588.767.
- Website: <http://huana.com.vn>
- Mã cổ phiếu: HNA
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần thủy điện Hũa Na được thành lập ngày 16/5/2007 bởi cổ đông sáng lập là Tổng Công ty lắp máy Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty Cổ phần thủy điện Hũa Na hiện đang quản lý, vận hành Nhà máy thủy điện Hũa Na thuộc địa phận xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

*\*) Các mốc thời gian phát triển:*

+ Ngày 19/01/2006, Dự án Thủy điện Hũa Na được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư tại Văn bản số 129 TTg-CN.

+ Ngày 16/5/2007, Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na được thành lập bởi cổ đông sáng lập là Tổng Công ty lắp máy Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.



+ Ngày 8/6/2007, Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na được chấp thuận là Chủ đầu tư xây dựng dự án thủy điện Hòa Na theo văn bản số 3143/VPCP-CN của Văn phòng Chính phủ, với hình thức đầu tư: Xây dựng - Vận hành - Sở hữu (BOO).

+ Ngày 27/7/2007, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã chuyển toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na cho Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (nay là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP) trở thành cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.

+ Ngày 28/3/2008, Dự án thủy điện Hòa Na được khởi công xây dựng tại xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

+ Ngày 01/02/2013, Tổ máy số 1 Nhà máy thủy điện Hòa Na hòa lưới điện Quốc gia.

+ Ngày 27/3/2013, Tổ máy số 2 Nhà máy thủy điện Hòa Na hòa lưới điện Quốc gia.

+ Ngày 17/7/2013, Công trình thủy điện Hòa Na chính thức hoàn thành đưa vào sử dụng.

+ Ngày 22/8/2017, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na (mã chứng khoán HNA) đã được đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận Đăng ký chứng khoán số 163/2017/GCNCP-VSD.

+ Ngày 28/9/2017, Cổ phiếu Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na đã được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Quyết định số 824/QĐ-SGDHN với phiên giao dịch đầu tiên là ngày 05/10/2017.

*\*) Quá trình thay đổi vốn điều lệ:*

+ Ngày 16/5/2007, Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na đăng ký kinh doanh lần đầu tiên với số vốn điều lệ ban đầu là 1.200 tỷ đồng.

+ Ngày 05/3/2009, đăng ký thay đổi lần 1, tăng số vốn điều lệ của Công ty lên thành: 1.800.000.000.000 đồng.

+ Ngày 29/3/2012, đăng ký thay đổi lần 4, tăng số vốn điều lệ của Công ty lên thành: 2.010.000.000.000 đồng.

+ Ngày 25/5/2015, đăng ký thay đổi lần 7, tăng số vốn điều lệ của Công ty lên thành: 2.310.000.000.000 đồng.

+ Ngày 29/12/2016 đăng ký thay đổi lần 8, giảm số vốn điều lệ của Công ty về vốn điều lệ thực góp là 2.256.592.100.000 đồng.

+ Ngày 30/06/2020 đăng ký thay đổi lần 9, tăng vốn điều lệ của Công ty lên thành: 2.352.322.100.000 đồng.

## **2. Ngành nghề, địa bàn kinh doanh**

### **2.1. Ngành nghề kinh doanh:**

+ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Cho thuê văn phòng).

+ Khai thác quặng sắt.

+ Lắp đặt hệ thống điện.

+ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện).

+ Bán buôn tổng hợp.

+ Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện).

+ Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt.

+ Khai thác quặng kim loại quý hiếm.

+ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

+ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

+ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh khách sạn).

+ Sản xuất điện (*Chính*) (Chi tiết: Sản xuất điện, vận hành Nhà máy điện).

+ Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Hoạt động mua bán điện).

+ Xây dựng nhà để ở (Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà để ở).

+ Xây dựng nhà không để ở (Chi tiết: Đầu tư xây dựng văn phòng, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn).

+ Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

+ Sửa chữa máy móc, thiết bị.

+ Sửa chữa thiết bị điện.

+ Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Chi tiết: Kiểm tra, đo lường, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị Nhà máy thủy điện).

+ Hoạt động tư vấn quản lý (Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình).



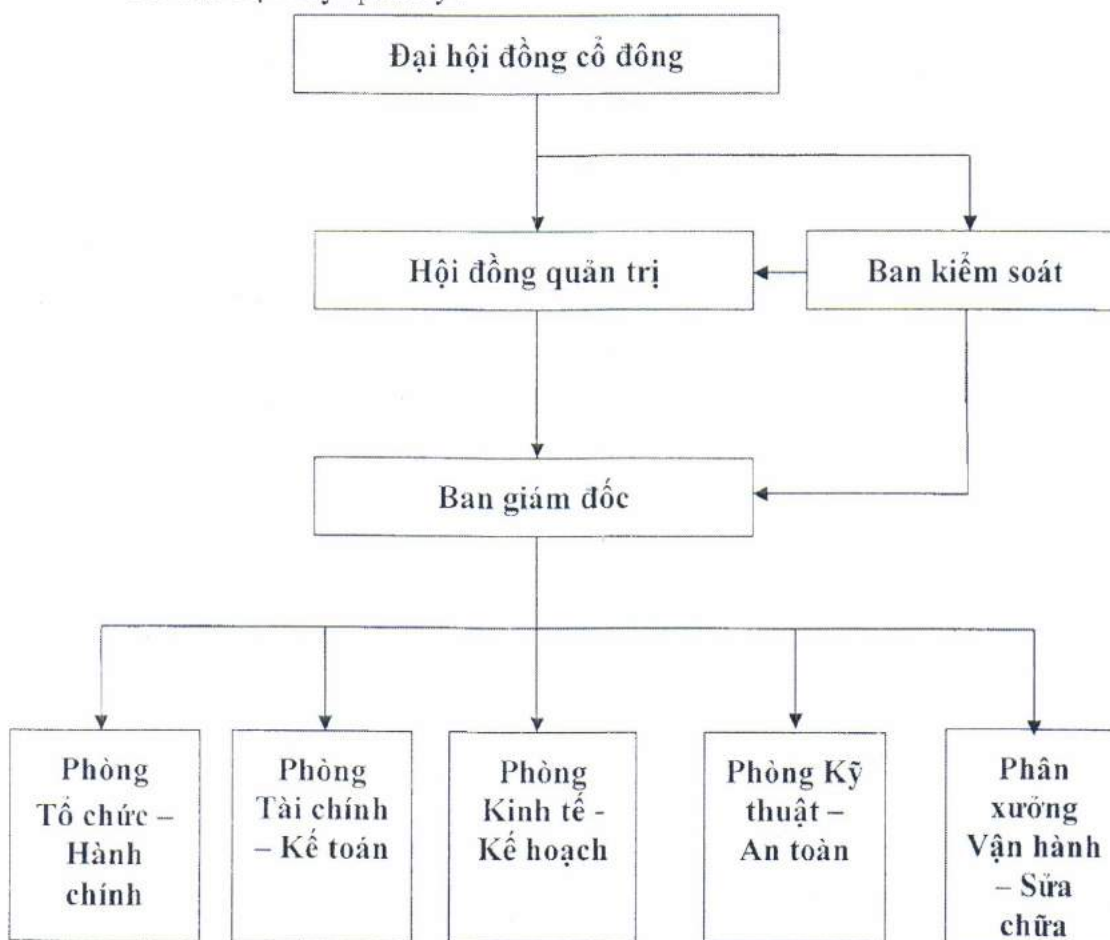
## 2.2. Địa bàn kinh doanh

Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na có trụ sở chính tại Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Nhà máy thủy điện Hòa Na tại xã Đông Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không

### 3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na (ĐHĐCĐ) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định và phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

### **3.2. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch HĐQT và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ 05 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

### **3.3. Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các Cổ đông. Ban kiểm soát gồm 01 (một) Trưởng ban chuyên trách và 02 (hai) thành viên với nhiệm kỳ 05 năm do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

### **3.4. Ban giám đốc**

Ban giám đốc của Công ty gồm 01 Giám đốc và 03 Phó giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề xuất của Giám đốc.

### **3.5. Khối điều hành**

#### **3.5.1. Phòng Tổ chức – Hành chính.**

Phòng Tổ chức – Hành chính là bộ phận tham mưu chuyên môn trực thuộc Giám đốc. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về: Công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, tuyển dụng cán bộ; Công tác lương, thưởng, chế độ, chính sách; Công tác văn thư văn phòng, quản trị hành chính, lễ tân, lái xe, bảo vệ; Công tác đối ngoại của Công ty.

#### **3.5.2. Phòng Kinh tế - Kế hoạch**

Là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc về công tác kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh; chào giá điện, mua bán vật tư, thiết bị cơ điện; hợp đồng kinh tế trong và ngoài nước.

#### **3.5.3. Phòng Tài chính – Kế toán**

Tham mưu cho Giám đốc, Hội đồng quản trị về lĩnh vực Tài chính Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm:

- Đề xuất các hình thức và giải pháp cần thiết nhằm thu hút, tạo lập và sử dụng hợp lý các nguồn tài chính, các quỹ tiền tệ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.



- Giúp Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty: chấp hành các quy định về tài chính, tín dụng, chế độ kế toán của Nhà nước cũng như của Công ty, kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty.

- Đảm bảo đáp ứng đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.

#### *3.5.4. Phòng Kỹ thuật – An toàn*

Tham mưu giúp Giám đốc chỉ đạo quản lý các công tác, bao gồm:

- Công tác quản lý kỹ thuật của Công ty.
- Kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão và bảo vệ môi trường.
- Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Áp dụng khoa học công nghệ, tiêu chuẩn hóa, công nghệ thông tin, viễn thông và hệ thống quản lý, sản xuất.
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực phân chuyên môn kỹ thuật.

#### *3.5.5. Phân xưởng Vận hành – Sửa chữa*

Phân xưởng Vận hành – Sửa chữa gồm 02 bộ phận: bộ phận trực tiếp thực hiện công tác vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na và bộ phận sửa chữa các thiết bị của nhà máy khi hỏng hóc hoặc đến thời gian bảo trì.

### **4. Định hướng phát triển**

#### *4.1. Các mục tiêu chủ yếu*

- Xây dựng chiến lược chào giá điện “linh hoạt” để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường điện. Đây cũng chính là quá trình đơn vị tự “chuyên nghiệp hóa”, nâng cao uy tín, sức mạnh cho mình, chuẩn bị cho việc tham gia Thị trường bán buôn điện cạnh tranh. Tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Tổ thị trường để nắm bắt thị trường nhanh nhạy, biết phân tích đánh giá và am hiểu các quy luật của thị trường; có khả năng phân tích hệ thống và nắm vững các đặc tính vận hành hồ chứa, thu thập, nắm bắt tình hình thủy văn qua các năm vận hành để có chiến lược chào giá phù hợp với từng giai đoạn, đem lại hiệu quả doanh thu cao nhất cho Công ty.

- Tăng cường học hỏi, phối hợp tốt và kịp thời với các đơn vị mua bán điện, Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia, Cục Điều tiết điện lực để khai thác tối đa lợi thế trên thị trường điện như: Có chiến lược chào giá hợp lý, phân bổ sản lượng Qc phù hợp với chế độ thủy văn của Nhà máy, thời gian thanh toán tiền điện nhanh nhất, tối ưu hóa công suất các tổ máy.

- Tiếp tục thực hiện vận hành theo quy trình đảm bảo an toàn, tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa nhà máy theo đúng định kỳ, thời điểm thích hợp tránh làm ảnh hưởng đến thời điểm phát điện hiệu quả của Nhà máy.

- Tiếp tục nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ vận hành, đề chủ động hơn trong việc sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ và thường xuyên Nhà máy.

#### **4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Đảm bảo các tổ máy Nhà máy thủy điện Hòa Na vận hành ổn định, an toàn, hiệu quả, khai thác tối ưu lượng nước về hồ chứa Hòa Na.

- Có chiến lược hợp lý, có hiệu quả khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh và thị trường điện bán buôn cạnh tranh.

- Đầu tư sửa chữa và thay mới các thiết bị của nhà máy; thường xuyên duy trì bảo trì các công trình đường giao thông, hệ thống đập.

- Tăng cường công tác học hỏi, đào tạo cán bộ kỹ thuật để chủ động trong công tác vận hành và sửa chữa thiết bị của Nhà máy.

- Duy trì tối đa khả năng phát điện của nhà máy thủy điện Hòa Na.

- Tiến tới phát triển dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực cung cấp đào tạo, dịch vụ vận hành và dịch vụ sửa chữa nhà máy thủy điện.

- Tham gia đầu tư các lĩnh vực điện.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn kinh doanh, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối để có thể chủ động tìm kiếm các cơ hội đầu tư tài chính.

#### **4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững**

- Xây dựng và phát triển Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na ngày càng vững mạnh, đa dạng ngành nghề, lấy lĩnh vực sản xuất điện làm trọng tâm, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo sự phát bền vững mang lại doanh thu và lợi nhuận cao.

- Thực hiện tốt trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: Luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, đặc biệt quan tâm chú trọng việc báo cáo giám sát chất lượng môi trường định kỳ về các chỉ tiêu nước thải, chất thải nguy hại, độ ồn, độ bụi, ... ; Song song với việc sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia các hoạt động vì người nghèo, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh, ...

### **5. Các rủi ro**

#### **5.1. Rủi ro về kinh tế**

Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ, ... sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na.



- Tăng trưởng kinh tế: Những biến động của nền kinh tế vĩ mô ở trong và ngoài nước có tác động trực tiếp đến sự phát triển của các thành phần cũng như ngành kinh tế và tất nhiên ảnh hưởng gián tiếp đến việc tiêu thụ điện năng của người dân và doanh nghiệp. Mặc dù vậy, do nhu cầu sử dụng điện hiện tại vẫn ở mức cao nên sự thay đổi của nền kinh tế vĩ mô không ảnh hưởng nhiều. Hơn thế nữa, hiện tại nguồn cung cấp điện vẫn chưa đủ cho nhu cầu của cả nước và ngành điện vẫn đang được Chính phủ khuyến khích đầu tư.

- Lạm phát: Lạm phát Việt Nam trong những năm gần đây đã được Chính phủ kiềm chế, kiểm soát; theo đánh giá chung thì tỷ lệ lạm phát không ảnh hưởng nhiều đến tiêu thụ điện năng và giá bán điện.

### **5.2. Rủi ro về pháp luật**

Rủi ro về pháp luật là rủi ro mạng tính hệ thống, có ảnh hưởng đến nhiều mặt của xã hội nói chung và ngành điện nói riêng. Mọi thay đổi trong chính sách của Chính phủ đều có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của Công ty.

Là một Công ty đại chúng quy mô lớn ngoài việc tác động của một số Luật như: luật Doanh nghiệp, luật Điện lực, luật Xây dựng, luật Đất đai, ... Công ty còn chịu sự chi phối của luật Chứng khoán. Việt Nam hiện vẫn đang trong diện các nước đang phát triển nên các văn bản luật vẫn còn sẽ phải chỉnh sửa. Sự thay đổi về chính sách và luật tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro về pháp luật liên quan đến cả một hệ thống, đòi hỏi các doanh nghiệp phải có những điều chỉnh để thích nghi.

Để giảm thiểu rủi ro về pháp luật, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn pháp luật khi cần thiết.

### **5.3. Rủi ro về thời tiết**

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na. Sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước có khả năng tái tạo, dự trữ.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa. Tình hình cung ứng điện thay đổi theo mùa khô và mùa mưa, tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, rủi ro về thời tiết tồn tại trong suốt thời gian hoạt động của Công ty.



Công ty luôn theo sát những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án, chiến lược chào giá, vận hành hồ chứa, chế độ phát điện, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo mức tiêu hao nước/1kWh thấp nhất. Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đường giao thông, đập và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

#### 5.4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hòa loạn, bệnh dịch,...là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLD, đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy ...

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

#### 1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH/ KH 2020	TH 2020/ TH 2019
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)/(5)	(8)=(6)/(4)
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	559,90	650,30	566,83	87,16%	101,24%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	668,95	705,94	606,06	85,85%	90,60%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	596,41	633,87	570,59	90,02%	95,67%
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	72,54	72,08	35,47	49,21%	48,90%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	141,20	166,63	92,33	55,41%	65,39%

- Về sản lượng: Sản lượng điện năm 2020 đạt 566,83/650,30 triệu kWh, bằng 87,16% so với kế hoạch. Sản lượng điện năm 2020 không cao như kỳ vọng so với kế hoạch phê duyệt đầu năm do điều kiện khí tượng thủy văn thực tế không thuận lợi, lưu lượng nước về hồ trung bình năm 2020 rất thấp, chỉ đạt ~ 80m<sup>3</sup>/s bằng 89% lưu lượng trung bình nhiều năm (95m<sup>3</sup>/s); Đồng thời do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên phụ tải toàn hệ thống giảm dẫn đến trong thời gian cao điểm mùa mưa bão một số thời điểm nhà máy không được



huy động tối đa công suất. Đây là yếu tố khách quan không lường trước được, mặc dù Công ty đã rất chú trọng công tác quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa để các tổ máy luôn khả dụng, tin cậy, sẵn sàng phát điện lên hệ thống điện quốc gia; Ngoài ra mực nước hồ còn bị giới hạn bởi mực nước tối thiểu theo quy trình liên hồ và mực nước giới hạn tuần do Trung tâm điều độ Hệ thống điện Quốc gia tính toán, công bố, nên cũng ảnh hưởng đến kế hoạch vận hành.

- Về doanh thu, lợi nhuận: Do tình hình thực tế như trên nên tổng doanh thu năm 2020 không đạt được theo kế hoạch ban đầu được duyệt. Tổng doanh thu thực hiện là 606,06/705,94 tỷ đồng, bằng 85,85% kế hoạch. Với tổng doanh thu và sản lượng như trên, lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 35,47 tỷ đồng.

### ***1.2. Công tác quản lý vận hành, sửa chữa bảo dưỡng.***

- Công tác vận hành: Năm 2020, nhà máy vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra, luôn sẵn sàng đáp ứng theo kế hoạch huy động của Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia. Đội ngũ CBCNV thực hiện đúng quy trình, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn trong suốt quá trình quản lý vận hành và sửa chữa thường xuyên của nhà máy.

- Hoàn thành công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ (tiểu tu) năm 2020 theo đúng kế hoạch đã duyệt, các tổ máy đi vào hoạt động ổn định và an toàn.

- Công tác đầu tư mới, bảo trì, sửa chữa các công trình xây dựng: Cơ bản đã hoàn thành công tác xây dựng khu nhà làm việc, nhà ở cho cán bộ công nhân viên; hoàn thành công tác cải tạo hệ thống cấp nước cứu hỏa và một số công việc sửa chữa nhỏ lẻ khác ... theo kế hoạch đã duyệt.

- Công tác sửa chữa thường xuyên luôn được thực hiện một cách chủ động, công tác kiểm tra giám sát tốt, trình độ tay nghề của CBCNV ngày càng được nâng cao.

### ***1.3. Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:***

Đến nay, công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án thủy điện Hòa Na đã thực hiện như sau:

- Công tác chi trả bồi thường, hỗ trợ: Tổng số tiền đã chi trả thực tế đến nay là 1.510,32 tỷ đồng/1.558,93 tỷ đồng (đạt 96,9% giá trị so với TMĐT được duyệt).

- Cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm, ...): Đã được đầu tư xây dựng đồng bộ, nghiệm thu đưa vào sử dụng theo đúng quy định.

- Nơi ở và sinh hoạt: các hộ dân tái định cư đã cơ bản ổn định nơi ở, sản xuất, canh tác (trong đó dự án xây dựng 335/878 nhà ở, 543 hộ còn lại tự xây dựng nhà ở).

- Công tác giao đất đã thực hiện như sau: Đất ở: 878 hộ với tổng diện tích là 55,16 ha; Đất sản xuất nông nghiệp (hàng năm, lâu năm): 878 hộ, với tổng diện tích là 950,58 ha; Đất trồng lúa nước: 760 hộ, với tổng diện tích là 61,03 ha; Đất rừng: 877 hộ, với tổng diện tích là 3.537,71 ha.

## 2. Tổ chức nhân sự

### 2.1. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	
2	Trịnh Bảo Ngọc	Thành viên HĐQT	
3	Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	
4	Lê Hải Long	Thành viên HĐQT	
5	Vũ Văn Tâm	Thành viên HĐQT	
<b>II</b>	<b>Ban điều hành</b>		
1	Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc	
2	Nguyễn Xuân Sơn	Phó Giám đốc	
3	Trần Văn Biên	Phó Giám đốc	
4	Bùi Huy Thành	Phó Giám đốc	
5	Võ Trung Chính	Kế toán trưởng	
<b>III</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>		
1	Trần Thị Thu Hà	Trưởng Ban kiểm soát	
2	Văn Tuấn Thạch	TV Ban kiểm soát	
3	Phạm Thị Minh Tâm	TV Ban kiểm soát	Ngày không còn là thành viên BKS 10/6/2020
4	Hoàng Thị Thu Nguyệt	TV Ban kiểm soát	Ngày bắt đầu là thành viên BKS 10/6/2020



## 2.2. Tóm tắt lý lịch:

### Ông Hoàng Xuân Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị



- Ngày sinh: 13/6/1968
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Lạc Sơn, Đô Lương, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: số nhà 3/2 ngõ 39 đường Vạn An, Khối Liên Cơ, Hưng Bình, Vinh, Nghệ An
- Số CMND: 181929789; ngày cấp: 20/12/2007; nơi cấp: Nghệ An
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
  
- Quá trình công tác:
  - 9/1990 ÷ 8/1991: Cán bộ thanh tra tài chính - Sở Tài chính Nghệ Tĩnh
  - 9/1991 ÷ 4/1993: Cán bộ thanh tra tài chính - Sở Tài chính Hà Tĩnh
  - 5/1993 ÷ 5/2007: Thanh tra viên, thanh tra viên chính, phó chánh Thanh tra Tài chính - Sở Tài chính Nghệ An .
  - 5/2007 ÷ 12/2014: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
  - 01/2015 ÷ 4/2018: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na
  - 4/2018 ÷ Hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
  - + Sở hữu cá nhân: 307.000 cổ phần chiếm 0,131% vốn điều lệ
  - + Sở hữu đại diện 85.922.760 cổ phần chiếm 36,527% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP)

## Ông Trịnh Bảo Ngọc - Thành viên HĐQT, Giám đốc



- Ngày sinh: 12/4/1966
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Phòng 317+318 E4, khu tập thể Phương Mai, phường Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
- Số CCCD: 038066005036; ngày cấp: 01/6/2018; Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:
  - 7/1989 ÷ 5/1995: Cán bộ kỹ thuật - Tổng Công ty Dầu tầm tơ Bảo Lộc, Lâm Đồng.
  - 6/1995 ÷ 8/1996: Trưởng phòng vật tư - Tổng Công ty Dầu tầm tơ Bảo Lộc.
  - 9/1996 ÷ 12/1997: Cán bộ kỹ thuật - Nhà máy Đường tại Thạch Thành, Thanh Hóa.
  - 01/1998 ÷ 7/1999: Cán bộ KT - Nhà máy Đường Quý Hợp, Nghệ An.
  - 7/1999 ÷ 10/2001: Trưởng phòng kỹ thuật - Văn phòng đại diện Lilama tại công trình nhà máy xi măng Hoàng Mai
  - 11/2001 ÷ 2/2004: Cán bộ kỹ thuật - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.
  - 3/2004 ÷ 10/2005: Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Xi măng Thăng Long.
  - 11/2005 ÷ 6/2007: Cán bộ kỹ thuật – Ban điều hành (LILAMA) Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng.
  - 7/2007 ÷ 10/2014: Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
  - 11/2014 ÷ Hiện tại: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
  - + Sở hữu cá nhân: 2.427.600 cổ phần chiếm 1,032% vốn điều lệ
  - + Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 14,730% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP)



## Ông Nguyễn Xuân Sơn - Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc



- Ngày sinh: 11/6/1966
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Sơn Thịnh - Hương Sơn - Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Khối 6, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Số CMND: 181287190; Ngày cấp: 29/11/2008; nơi cấp: CA Nghệ An
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
  - 7/1987 ÷ 6/1990: Cán bộ Kỹ thuật - Công ty Công Nông nghiệp 3-2, Nghệ An.
  - 7/1990 ÷ 12/1997: Đội trưởng sản xuất - Công ty Nông Công nghiệp 3-2, Nghệ An
  - 01/1998 ÷ 4/2004: Trưởng phòng Sản xuất - Kinh doanh Công ty Nông Công nghiệp 3-2, Nghệ An
  - 5/2004 ÷ 3/2007: Đội trưởng sản xuất - Công ty Nông Công nghiệp 3-2, Nghệ An
  - 4/2007 ÷ 8/2007: Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh
  - 8/2007 ÷ 12/2007: Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
  - 1/2008 ÷ 4/2016: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
  - 4/2016 ÷ 4/2018: Phó Giám đốc - Công ty CP thủy điện Hòa Na
  - 4/2018 ÷ Hiện tại: Thành viên HĐQT, kiêm Phó giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
  - + Sở hữu cá nhân: 207.700 cổ phần chiếm 0,088% vốn điều lệ
  - + Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 14,730% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP)

## Ông Lê Hải Long - Thành viên HĐQT



- Ngày sinh: 31/01/1971
  - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Ứng Hòa, Hà Nội
  - Địa chỉ thường trú: Số 144, đường Ngô Quyền, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
  - Số CMND: 001071004126 ngày cấp: 05/5/2015 nơi cấp: CA Hà Nội
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, cử nhân kinh tế
- 
- Quá trình công tác:
    - 01/1996 ÷ 8/2001: Chuyên viên - Công ty xây dựng SunWay
    - 8/2001 ÷ 11/2007: Kiểm toán viên - Công ty kiểm toán Việt Nam (VACO) thành viên Kiểm toán Deloitte
    - 11/2007 ÷ 07/2008: Kiểm toán viên - Công ty TNHH kiểm toán VACO
    - 7/2008 ÷ 6/2012: Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Chuyên viên ban Tài chính kế toán và kiểm toán
    - 6/2012 ÷ Hiện tại: Phó Trưởng ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
    - 6/2012 ÷ 6/2013: Thành viên BKS - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
    - 06/2013 ÷ 4/2018: Trưởng BKS - Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na
    - 4/2018 ÷ Hiện tại: Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Trưởng ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
  - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
  - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
    - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
    - + Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 14,730% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP)



## **Ông Vũ Văn Tâm – Thành viên Hội đồng quản trị**



- Ngày sinh: 05/07/1972
  - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Nam Định
  - Địa chỉ thường trú: Nhà 27, ngõ 265, Ngô Xuân Quảng, TT Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
  - Hộ chiếu: B8232057, ngày cấp: 14/8/2013 nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh.
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:
- 1989 ÷ 1990: Đại học Ngoại ngữ Hà Nội
  - 1990 ÷ 2002: Sinh viên, nghiên cứu sinh - Học viện Nông nghiệp Moskva Liên Bang Nga
  - 2003 ÷ 2005: Chuyên viên kinh tế phòng Quản lý Dự án - Ngân hàng TMCP Quân Đội
  - 2005 ÷ 2007: Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần đầu tư An Lạc.
  - 2007 ÷ Hiện tại: Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính và BĐS Việt; Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính và BĐS Việt.
  - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
  - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
    - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
    - + Sở hữu đại diện: 1.920.000 cổ phần chiếm 0,85% vốn điều lệ (đại diện vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính và BĐS Việt)

## Ông Trần Văn Biên - Phó Giám đốc



- Ngày sinh: 05/02/1961
  - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Nghĩa Phú, Nghĩa Hưng, Nam Định
  - Địa chỉ thường trú: Phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
  - Số CMND: 113346612; ngày cấp: 22/3/2006; nơi cấp: CA Hòa Bình
  - Trình độ văn hóa: 10/10
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ nhiệt luyện
- 
- Quá trình công tác:
    - 12/1984 ÷ 4/1995: Cán bộ kỹ thuật - Công ty Lilama 10
    - 5/1995 ÷ 5/2006: Đội trưởng thi công - Công ty Lilama 10
    - 6/2006 ÷ 9/2006: Phó trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật - Công ty Lilama 10
    - 10/2006 ÷ 6/2007: Chỉ huy trưởng công trình - Công ty Lilama 10
    - 06/2007 ÷ 11/2011: Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
    - 12/2011 ÷ Hiện tại: Phó Giám đốc - Công ty CP thủy điện Hòa Na
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
  - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
  - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
    - + Sở hữu cá nhân: 265.000 cổ phần chiếm 0,115% vốn điều lệ
    - + Sở hữu đại diện: Không



## Ông Bùi Huy Thành – Phó giám đốc



- Ngày sinh: 30/4/1980
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Diễn Hùng, Diễn Châu, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Phòng 1705, Chung cư Green view, Phường Lê Lợi, TP Vinh, Nghệ An;
- Số CMND: 182543016; ngày cấp: 17/12/2018; Nơi cấp: CA Nghệ An
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
  
- Quá trình công tác:
  - 8/2006 ÷ 7/2007: Cán bộ kỹ thuật - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
  - 7/2007 ÷ 7/2009: Cán bộ kỹ thuật - Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na
  - 7/2009 ÷ 11/2011: Phó phòng Kỹ thuật - Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na
  - 11/2011 ÷ 06/2013: Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na
  - 06/2013 ÷ 4/2018: Thành viên BKS - Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na
  - 8/2018 ÷ Hiện tại: Phó giám đốc - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
  - + Sở hữu cá nhân: 247.300 cổ phần chiếm 0,117% vốn điều lệ
  - + Sở hữu đại diện: Không

## Ông Võ Trung Chính - Kế toán trưởng



- Ngày sinh: 08/5/1974
  - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
  - Địa chỉ thường trú: số nhà 03 đường Nguyễn Sỹ Quế, phường Hưng Dũng, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
  - Số CMND: 181936068; ngày cấp: 22/11/2008; nơi cấp: CA Nghệ An
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
- 02/1995 ÷ 6/2003: Cán bộ phòng Tài chính Kế toán - Công ty Lắp máy và Xây dựng 45-4
  - 7/2003 ÷ 7/2007: Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty TNHH BOT Thủy điện Bảo Lộc
  - 8/2007 ÷ 12/2014: Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
  - 01/2015 ÷ Hiện tại: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
  - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
  - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
    - + Sở hữu cá nhân: 644.300 cổ phần chiếm 0,274% vốn điều lệ
    - + Sở hữu đại diện: Không



## Bà Trần Thị Thu Hà – Trưởng Ban kiểm soát



- Ngày sinh: 23/9/1983
  - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: xã Xuân Đan, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
  - Địa chỉ thường trú: Khối 14, phường Hà Huy Tập, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
  - Số CMND: 186021198; ngày cấp: 29/12/2015; nơi cấp: CA Nghệ An
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán; Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- 
- Quá trình công tác:
    - 08/2006 ÷ 6/2007: Nhân viên phòng Nghiệp vụ 1 – Công ty CP ĐT & Hợp tác kinh tế Việt Lào
    - 06/2007 ÷ 10/2017: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán – Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na
    - 10/2017 ÷ 04/2018: Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na
    - 04/2018 ÷ Hiện tại: Trưởng BKS - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
  - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
  - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
    - + Sở hữu cá nhân: 241.625 cổ phần chiếm 0,103% vốn điều lệ
    - + Sở hữu đại diện: 0%

## Ông Văn Tuấn Thạch – Thành viên Ban kiểm soát



- Ngày sinh: 10/01/1983
  - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Thanh Chương – Nghệ An
  - Địa chỉ thường trú: Nhà 5 ngõ 53 – phố Dịch Vọng – Cầu giấy – Hà Nội
  - Số CMND: 040083000657; Ngày cấp: 30/3/2017  
Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán và kiểm toán
- 
- Quá trình công tác:
    - 12/2008 ÷ 01/2019 Chuyên viên Ban tài chính kế toán và kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
    - 01/2019 ÷ Hiện tại: Chuyên viên Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
    - 06/2013 ÷ Hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
  - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
  - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
    - + Sở hữu cá nhân: không
    - + Sở hữu đại diện: không



## Bà Phạm Thị Minh Tâm – Thành viên Ban kiểm soát



- Ngày sinh: 16/02/1977
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: P204 – D18 TT Phương Mai, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND: 040177000436; Ngày cấp: 08/05/2017  
Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Đầu tư, Thạc sĩ Quản lý dự án Đầu tư
- Quá trình công tác:
  - 09/1999 ÷ 02/2004: Phòng Kinh tế - Viện nghiên cứu Thủy Sản – Bộ Thủy Sản
  - 02/2004 ÷ 12/2004: Tham gia khóa học tiền du học theo chương trình học bổng của chính phủ Úc
  - 03/2005 ÷ 7/2007: Học chương trình thạc sĩ Quản lý dự án tại Trường Đại học Queensland, Úc
  - 05/2008 ÷ 03/2012: Trưởng bộ phận/chuyên viên – Khối đầu tư – Ngân hàng TMCP Quân Đội
  - 04/2012 ÷ 06/2015: Thành viên chuyên trách VP Triển khai chiến lược – Ngân hàng TMCP Quân Đội
  - 07/2015 ÷ 08/2019: Trưởng phòng Đầu tư kinh doanh – Khối đầu tư Nhân hàng TMCP Quân đội; Thành viên Ban kiểm soát – Công ty CP Thủy điện Hòa Na
  - 08/2019 ÷ 6/2020; Thành viên Ban kiểm soát – Công ty CP Thủy điện Hòa Na
  - Từ 6/2020: Không còn là Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
  - + Sở hữu cá nhân: Không
  - + Sở hữu đại diện: Không

## Bà Hoàng Thị Thu Nguyệt – Thành viên Ban kiểm soát



- Ngày sinh: 25/01/1981
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Phòng 3215, Tầng 32, R5B, Khu đô thị Royal City, 72 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Số CMND: 001181027273. Ngày cấp: 26/11/2019. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - 11/2003 ÷ 07/2007: Chuyên viên phòng Đầu tư và Quản lý dự án – Công ty cổ phần quản lý Quỹ Đầu tư MB.
  - 08/2007 ÷ 07/2008: Phó phòng Đầu tư và Quản lý dự án – Công ty cổ phần quản lý Quỹ Đầu tư MB.
  - 08/2008 ÷ 05/2010: Trưởng phòng Đầu tư và Quản lý dự án – Công ty cổ phần quản lý Quỹ Đầu tư MB.
  - 06/2010 ÷ 01/2012: Phó phòng Đầu tư vốn Khối đầu tư – Ngân hàng TMCP Quân Đội.
  - 02/2012 ÷ 05/2013: Phó phòng Quản lý các công ty – Khối đầu tư – Ngân hàng TMCP Quân Đội.
  - 06/2013 ÷ 06/2017: Trưởng phòng Quản lý các công ty – Ban đầu tư – Ngân hàng TMCP Quân Đội.
  - 06/2017 ÷ Hiện tại: Phó Giám đốc Khối đầu tư - Ngân hàng TMCP Quân Đội
  - Từ 6/2020 ÷ Hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Giám đốc Khối đầu tư - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
  - + Sở hữu cá nhân: Không
  - + Sở hữu đại diện: Không



### 2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không

### 2.4. Nguồn nhân lực:

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Tỷ lệ
1	Theo giới tính:		
-	Nam	99	84,62%
-	Nữ	18	15,38%
2	Theo hợp đồng lao động:		
-	Toàn thời gian	117	100%
-	Bán thời gian		
3	Theo trình độ:		
-	Đại học và trên đại học	54	46,15%
-	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	48	41,03%
-	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	10	8,55%
-	Phổ thông	5	4,27%
4	Theo chức vụ:		
-	Quản lý	12	10,26%
-	Văn phòng	43	36,75%
-	Công nhân	62	52,99%
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>117</b>	

Do đặc thù ngành nghề của công ty đòi hỏi kỹ thuật và địa bàn hoạt động tại khu vực xa trung tâm nên số lượng lao động nữ ít hơn so với lao động nam. Cụ thể lao động nữ chiếm 15,38% so với tổng số CBCNV.

Là một công ty liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh điện nên số lượng công nhân của Công ty chiếm số lượng lớn trong cơ cấu của Công ty, chiếm 52,99%.

Nhân sự của Công ty có trình độ từ đại học trở lên chiếm 46,15% và cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp chiếm 41,03% cơ cấu nhân viên trong công ty tham gia vào công tác sản xuất của Công ty.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

- Dự án thủy điện Hòa Na A: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na đã tạm dừng triển khai dự án thủy điện Hòa Na A. Công ty đã thực hiện nghiệm thu thanh toán/thanh lý những phần việc đã thực hiện theo quy định.

- Dự án điện năng lượng mặt trời: Với hiện trạng lòng hồ không thuận lợi (chênh lệch mực nước lớn tới 25m, địa hình dốc). Do đó, hiện nay Công ty đang xem xét tìm kiếm đối tác để nghiên cứu bổ sung, khảo sát, đánh giá cụ thể về tính khả thi của dự án.

#### 4. Tình hình tài chính.

##### 4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	4.292.908.135.164	4.111.513.107.840	95,77%
Doanh thu thuần	661.951.613.312	604.196.230.759	91,27%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	78.007.027.639	35.376.925.752	45,35%
Lợi nhuận khác	-656.188.101	89.110.837	
Lợi nhuận trước thuế	77.350.839.538	35.466.036.589	45,85%
Lợi nhuận sau thuế	72.946.658.027	33.529.535.788	45,96%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0

##### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Thay đổi
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0,32	0,45	141,14%
	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	0,28	0,42	147,25%
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,41	0,35	86,39%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,70	0,55	78,92%
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho	18,35	17,32	94,38%
	Vòng quay khoản phải thu	6,68	5,14	76,91%
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,15	0,15	95,30%
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu khả năng về sinh lời</b>			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	0,11	0,06	50,36%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	0,03	0,01	43,84%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	0,02	0,01	47,99%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	0,12	0,06	49,69%



## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

### 5.1. Cổ phần.

- Vốn điều lệ của Công ty:	2.352.322.100.000 đồng.
- Tổng số cổ phần niêm yết:	235.232.210 cổ phần
- Tổng số cổ phần lưu hành:	235.232.210 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	9.573.000 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ:	0 cổ phần
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do:	225.659.210 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/1 cổ phần

### 5.2. Cơ cấu Cổ đông:

Theo loại hình sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	(Tỷ lệ %)
1	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>235.191.140</b>	<b>99,9825%</b>
	- Tổ chức	223.797.095	95,1388%
	- Cá nhân	11.394.045	4,8437%
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>41.070</b>	<b>0,0175%</b>
	- Tổ chức	41.000	0,0174%
	- Cá nhân	70	0,00003%

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>189.872.760</b>	<b>80,717%</b>
2	<b>Cổ đông lớn (sở hữu <math>\geq</math> 5% vốn CP)</b>	<b>189.872.760</b>	<b>80,717%</b>
	- Trong nước	189.872.760	80,717%
	- Nước ngoài	0	0%
3	<b>Các cổ đông khác</b>	<b>45.359.450</b>	<b>19,283%</b>
	- Trong nước	45.318.380	19,265%
	- Nước ngoài	41.070	0,017%

### Danh sách cổ lớn

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	0102276173	Tầng 8,9 Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	189.872.760	80,717%

#### 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Ngày 16/5/2007, Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na đăng ký kinh doanh lần đầu tiên với số vốn điều lệ ban đầu là 1.200.000.000.000 đồng.
- Ngày 05/3/2009, vốn điều lệ tăng lên thành: 1.800.000.000.000 đồng.
- Ngày 29/3/2012, vốn điều lệ tăng lên thành: 2.010.000.000.000 đồng.
- Ngày 25/5/2015, vốn điều lệ tăng lên thành: 2.310.000.000.000 đồng.
- Ngày 29/12/2016, vốn điều lệ giảm thành: 2.256.592.100.000 đồng.
- Ngày 30/06/2020, vốn điều lệ tăng lên thành: 2.352.322.100.000 đồng.

#### 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

#### 5.5. Các chứng khoán khác: Không có

### 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

#### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty (vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na) trong năm:

- Dầu tuabin được bổ sung cho các ổ đỡ, ổ hướng tuabin, hệ thống điều tốc, hệ thống van đĩa ... do bị rò dầu khi vận hành trong năm 2020 với số lượng: 1.714 lít;

- Số lượng dầu máy biến thế sử dụng trong năm 2020 là: 0 lít.

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: *Không*.

#### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 712,8 MWh.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 806.920 kWh.



c. Sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến: *Không có.*

**6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm).**

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Sử dụng nước mặt sông Chu để sản xuất điện; lượng nước mặt đã sử dụng để sản xuất điện năm 2020 vào khoảng: 3,45 tỷ m<sup>3</sup>.

b. Tỷ lệ phân trảm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *Không.* Đơn vị chỉ khai thác sử dụng nước mặt sông Chu để sản xuất điện.

**6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không.*

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không.*

**6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số lao động bình quân năm 2020 là: 117 người

- Thu nhập bình quân năm 2020 là: 21,3 triệu đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- *Chế độ làm việc:* Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định của Pháp luật về lao động. Thỏa ước lao động tập thể và các đặc thù đối với người lao động ngành điện.

- *Chính sách tuyển dụng:* Công ty đang thực hiện áp dụng chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động có trình độ, kinh nghiệm về công tác lâu dài tại Công ty.

- *Chính sách lương thưởng và phúc lợi:* Công ty có chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là lao động có kinh nghiệm, lao động chuyên môn nghiệp vụ làm việc lâu dài tại công ty.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

- *Chính sách đào tạo:* Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực: i) Tăng cường liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, các nhà cung cấp chế tạo thiết bị để tham quan, học hỏi và phối hợp tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật chuyên ngành trong vận hành, bảo trì sửa chữa và quản lý kỹ thuật Nhà máy thủy điện, đồng thời hợp tác đào tạo với các

Công ty, Nhà máy trong cùng lĩnh vực; ii) Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ vận hành để chủ động hơn trong việc sửa chữa bảo dưỡng định kỳ và thường xuyên. Thực hiện nghiêm túc quy trình quản lý vận hành, có tính đến hiệu quả sử dụng nguồn nước, tiếp tục nâng cao hệ thống quy trình vận hành tránh rủi ro cho Nhà máy; iii) Xây dựng chương trình đào tạo bắt buộc (quản lý - kỹ thuật) cho cán bộ lãnh đạo đương chức, cán bộ nguồn trước khi bổ nhiệm, xây dựng tiêu chuẩn tuyển dụng đối với từng vị trí công việc. Cử cán bộ quản lý có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt đi học tập tại các trung tâm đào tạo; iv) Chuẩn bị nguồn nhân lực cao để sẵn sàng trong công việc tiếp nhận công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy trong những năm tiếp theo.

- *Tình hình thực hiện:* Năm 2020, Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện các khóa đào tạo ngắn và trung hạn cho CBCNV, cụ thể: Học hỏi kinh nghiệm quản lý vận hành - sửa chữa tại các Nhà máy thủy điện; Bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ & Cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho CBCNV; Tham gia khóa đào tạo Nâng cao tay nghề về thí nghiệm điện cao áp; Tham gia khóa học ngắn hạn về thợ Nguội....với tổng kinh phí là 480,208 triệu đồng.

#### **6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Trong năm 2020 Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, cụ thể: Chuyển tiền ủng hộ chương trình "Tết vì người nghèo - Canh Tý" của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An; Chuyển tiền ủng hộ nhân dịp tết cho Đồng bào Tái định cư Thủy điện Hòa Na; Ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng lũ, lụt; Ủng hộ quỹ phòng chống dịch bệnh COVID-19; Hỗ trợ xây dựng trường tiểu học Thông Thụ; Quỹ ủng hộ người nghèo năm 2020.... với số tiền 635 triệu đồng.

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh.**

##### **1.1. Các chỉ tiêu chủ yếu.**

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH/KH 2020
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	650,30	566,83	87,16%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	705,94	606,06	85,85%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	633,87	570,59	90,02%
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	72,08	35,47	49,21%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	166,63	92,33	55,41%



- Công ty luôn duy trì và áp dụng theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và thực hành 5S.

- Kiểm soát chặt chi phí sản xuất kinh doanh đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật.

- Công tác vận hành nhà máy, điều tiết hồ chứa thuận lợi do 2 tổ máy đều ở chế độ sẵn sàng vận hành theo huy động của hệ thống.

- Công tác sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng công trình thiết bị được tiến hành đều đặn, theo đúng kế hoạch. Đối với những hạng mục cần thiết phải làm ngay sẽ triển khai tự làm (nếu được) hoặc thuê đơn vị ngoài. Đối với các hạng mục bảo trì thuộc kế hoạch năm nhưng chưa bị hỏng hóc theo dự kiến, hoặc chưa ảnh hưởng đến quá trình hoạt động sản xuất thì Công ty chủ động lùi lại thời gian thích hợp để cân đối nguồn chi phí, ưu tiên cho những công việc thích hợp, cần thiết hơn. Trong công tác bảo trì cũng như các công tác khác sử dụng dịch vụ, Công ty luôn thực hiện đầy đủ quy trình, hồ sơ, thủ tục theo quy định.

- Công tác điều hành quản lý vận hành chấp hành tốt các quy trình, quy phạm, nội dung, quy định của Công ty. Trong năm Công ty đã đảm bảo được an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức, không để xảy ra cháy nổ và tai nạn lao động.

### ***1.2. Những tiến bộ, kết quả đã đạt được***

Ban điều hành luôn luôn bám sát, chỉ đạo công tác thị trường điện để chào giá tối ưu và tiết kiệm nước đem lại lợi nhuận cao nhất từ thị trường điện, với kết quả đạt được như sau:

- Sản lượng điện năm 2020 đạt 566,83/650,30 triệu kWh, bằng 87,16% so với kế hoạch. Sản lượng điện năm 2020 không cao như kỳ vọng so với kế hoạch phê duyệt đầu năm do điều kiện khí tượng thủy văn thực tế không thuận lợi, lưu lượng nước về hồ trung bình năm 2020 rất thấp, chỉ đạt ~ 80m<sup>3</sup>/s bằng 89% lưu lượng trung bình nhiều năm (95m<sup>3</sup>/s); Đồng thời do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên phụ tải toàn hệ thống giảm dẫn đến trong thời gian cao điểm mùa mưa bão một số thời điểm nhà máy không được huy động tối đa công suất. Đây là yếu tố khách quan không lường trước được, mặc dù Công ty đã rất chú trọng công tác quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa để các tổ máy luôn khả dụng, tin cậy, sẵn sàng phát điện lên hệ thống điện quốc gia; Ngoài ra mực nước hồ còn bị giới hạn bởi mực nước tối thiểu theo quy trình liên hồ và mực nước giới hạn tuần do Trung tâm điều độ Hệ thống điện Quốc gia tính toán, công bố, nên cũng ảnh hưởng đến kế hoạch vận hành.

- Do tình hình thực tế như trên nên tổng doanh thu năm 2020 không đạt được theo kế hoạch ban đầu được duyệt. Tổng doanh thu thực hiện là **606,06/705,94 tỷ đồng, bằng 85,85% kế hoạch.** Với tổng doanh thu và sản

lượng như trên, lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 35,47 tỷ đồng. Công tác lao động tiền lương:

- Tổng số lao động bình quân năm 2020 là: 117 người.
- Thu nhập bình quân năm 2020 là: 21,3 triệu đồng/người/tháng.

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Các chỉ tiêu chính

TT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	% 2020/2019
<b>1</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>190.792.507.996</b>	<b>287.700.102.413</b>	<b>150,79%</b>
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	120.711.063.153	73.971.681.803	61,28%
-	Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	46.080.395.231	189.039.017.682	410,24%
-	Hàng tồn kho	23.347.053.038	24.271.040.256	103,96%
-	Tài sản ngắn hạn khác	653.996.574	418.362.672	63,97%
<b>2</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>4.102.115.627.168</b>	<b>3.823.813.005.427</b>	<b>93,22%</b>
-	Tài sản cố định	4.064.729.244.982	3.787.480.070.147	93,18%
-	Tài sản dở dang dài hạn	20.442.254.830	24.842.057.116	121,52%
-	Tài sản dài hạn khác	16.944.127.356	11.490.878.164	67,82%
	<b>Tổng tài sản (1+2)</b>	<b>4.292.908.135.164</b>	<b>4.111.513.107.840</b>	<b>95,77%</b>
<b>3</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>1.761.430.274.414</b>	<b>2.241.730.771.634</b>	<b>127,27%</b>
-	Nợ ngắn hạn	593.649.460.888	634.258.175.859	106,84%
-	Nợ dài hạn	1.166.852.154.843	822.335.009.435	70,47%

### 2.2. Tài sản

Nhìn chung, tài sản của Công ty không biến động nhiều giữa các năm. Tính đến 31/12/2020, tổng tài sản của Công ty năm 2020 là hơn 4.111 tỷ đồng giảm nhẹ so với năm 2019. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 50,79%, tài sản dài hạn giảm 6,78%.



Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương với tiền chiếm tỷ trọng lớn 63,27%, đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty. Các khoản khác lần lượt là các khoản phải thu ngắn hạn, đầu tư tài chính ngắn hạn và hàng tồn kho.

### **2.3. Nợ phải trả**

Đến thời điểm 31/12/2020, các khoản nợ phải trả của Công ty là hơn 2.241 tỷ đồng tăng so với năm 2019.

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

- Năm 2020, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức, quản lý, phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc văn hóa doanh nghiệp, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.

- Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý.

- Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất.

- Công tác quản trị của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định của Nhà nước. Công ty đảm bảo môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán. Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Công ty, hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình góp phần giúp Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị Công ty, hướng tới áp dụng thành công các hệ thống quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các biện pháp hỗ trợ quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

#### **4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021**

<b>STT</b>	<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Kế hoạch 2021</b>
1	Sản lượng điện thương mại	Triệu kWh	625,20

2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	685,49
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	616,74
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	68,75
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	65,313
6	Đào tạo (164 lượt người)	Tỷ đồng	1,09
7	Giá thành	Đồng/kWh	986,47
8	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	161,92
9	Lao động	Người	117
10	Quỹ tiền lương (tạm tính)	Tỷ đồng	36,479

#### **4.2. Các nhiệm vụ chính cần thực hiện:**

- Tổ chức quản lý vận hành nhà máy thủy điện Hòa Na an toàn, ổn định. Phối hợp tốt với EVN/A0/EPTC để phát điện đạt hiệu quả kinh tế cao nhất trong thị trường điện cạnh tranh.

- Chủ động làm việc với EVN/ EPTC trong công tác thanh toán tiền điện, đảm bảo thanh toán tiền điện đầy đủ và đúng hạn.

- Tiếp tục cập nhật, hoàn thiện định mức lao động, định mức kinh tế kỹ thuật; định mức/danh mục vật tư, thiết bị dự phòng; kịp thời bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thường xuyên rà soát, tiết giảm tối đa các khoản chi phí, kể cả các hạng mục chi phí đã được giao trong kế hoạch; Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả cho đơn vị.

- Xây dựng phương án đảm bảo cân đối dòng tiền, chủ động thu xếp nguồn vốn đảm bảo đủ, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, giải ngân đối với công nợ còn lại trong công tác đầu tư.

- Lập kế hoạch mua sắm vật tư phục vụ sản xuất, CCDC, trang thiết bị văn phòng,...trên cơ sở nhu cầu sử dụng thực tế trong năm, tình trạng mua mới thiết bị, vật tư tồn kho.

- Thực hiện công tác sửa chữa bảo dưỡng nhà máy; bảo trì công trình xây dựng đảm bảo an toàn, chất lượng, đúng tiến độ.

- Phối hợp tốt với các cấp chính quyền địa phương để sớm hoàn thành các công việc còn lại trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tái định cư.

- Các nội dung khác theo thực tế trong quá trình sản xuất kinh doanh.



### **4.3. Giải pháp thực hiện**

- Nâng cao chất lượng người lao động để đảm bảo vận hành nhà máy an toàn, ổn định giảm tối đa thời gian dừng máy do sửa chữa, bảo dưỡng và sự cố.

- Chuẩn bị đầy đủ vật tư và vật tư dự phòng để phục vụ sửa chữa và khắc phục kịp thời sự cố.

- Căn cứ tình hình thực tế và dự báo thủy văn, giá thị trường điện và Qc giao để có kế hoạch chào giá và vận hành các tổ máy trong thị trường phát điện cạnh tranh để đạt doanh thu tối ưu khi tham gia thị trường.

### **5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không**

### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.**

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải ...): Công ty luôn tuân thủ pháp luật về môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến các vấn đề người lao động: Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo đúng các quy định hiện hành.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã tốt công tác an sinh xã hội đối với cộng đồng địa phương.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

- Do tình hình thực tế như trên nên tổng doanh thu năm 2020 không đạt được theo kế hoạch ban đầu được duyệt. Tổng doanh thu thực hiện là 606,06/705,94 tỷ đồng, bằng 85,85% kế hoạch. Với tổng doanh thu và sản lượng như trên, lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 35,47 tỷ đồng.

- Công tác phòng chống lụt bão thực hiện tốt, chủ động theo quy định nên giảm thiểu tối đa thiệt hại do bão lũ gây ra.

- Công tác quản lý vận hành được thực hiện tốt, người lao động chấp hành tốt các quy trình, quy phạm, các nội quy, quy định của Công ty. Trong năm, Công ty đã đảm bảo được an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức, không để xảy ra cháy nổ và tai nạn lao động.

- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa công trình, thiết bị thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ, góp phần duy trì nhà máy vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả, hạn chế được các hư hỏng phát sinh trong vận hành.

- Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để giảm chi phí, hạ giá thành.



- Công tác mua sắm các thiết bị đã được thực hiện theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng và tiến hành theo đúng quy định của Pháp luật.

- Trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: i) Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, đặc biệt quan tâm chú trọng việc báo cáo giám sát chất lượng môi trường định kỳ về các chỉ tiêu nước thải, chất thải nguy hại, độ ồn, độ bụi, ... ii) Song song với việc sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia các hoạt động vì người nghèo, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng lũ lụt, ...

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

- Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc trong các hoạt động cụ thể như sau: Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Giám đốc, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc; Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

- Trong năm 2020, Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai và thực hiện tốt các nội dung theo Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua các chỉ tiêu kinh tế tài chính đã đạt được. Lợi nhuận từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã góp phần tích lũy được nguồn vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước, ổn định thu nhập cho người lao động.

## **3. Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.**

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu chính như sau: Sản lượng điện phân đấu đạt 625,20 triệu kWh, tổng doanh thu 685,49 tỷ đồng, tổng chi phí 616,74 tỷ đồng, tổng lợi nhuận trước thuế 68,75 tỷ đồng. Khai thác hợp lý hồ chứa để đảm bảo tích nước phục vụ kế hoạch sản xuất năm 2022. Để hoàn thành các chỉ tiêu nói trên, Hội đồng quản trị xác định mục tiêu, chiến lược trong năm 2021 của Công ty như sau:

- Vận hành, phát điện liên tục, an toàn và ổn định 2 tổ máy theo đúng phương thức vận hành của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia.

- Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, tính toán chào giá hợp lý, khai thác tối ưu hồ chứa để đạt sản lượng và doanh thu cao nhất cho Công ty **khí tham gia thị trường điện cạnh tranh.**



- Thực hiện các giải pháp quản lý kỹ thuật để không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Triển khai đôn đốc thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh lao động.

- Lập và triển khai kế hoạch phòng chống lụt, bão năm 2020 nhằm ứng phó kịp thời với tình hình phức tạp của mưa lũ, đảm bảo an toàn công trình và tính mạng con người.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị:

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT	Số cổ phần		Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	Chức danh tại Công ty khác
			Sở hữu cá nhân	Đại diện pháp nhân		
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	307.000	85.922.760	36,658%	Không
2	Trịnh Bảo Ngọc	Thành viên HĐQT	2.427.600	34.650.000	15,762%	Không
3	Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	207.700	34.650.000	14,818%	Không
4	Lê Hải Long	Thành viên HĐQT	0	34.650.000	14,730%	Phó Ban TC-KT PVP
5	Vũ Văn Tâm	Thành viên HĐQT độc lập	0	1.920.000	0,85%	Công ty CP Đầu tư tài chính và BDS Việt

#### 1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

#### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na đã tiến hành họp thường kỳ 04 lần. Các cuộc họp đều tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, kết thúc mỗi cuộc họp đều lập biên bản và ra nghị quyết giao Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện.

Danh sách Hội đồng quản trị tham gia dự họp:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là TV HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	19/4/2018	4	100%
2	Trịnh Bảo Ngọc	TV HĐQT	19/4/2018	4	100%
3	Nguyễn Xuân Sơn	TV HĐQT	19/4/2018	4	100%
4	Lê Hải Long	TV HĐQT	19/4/2018	4	100%
5	Vũ Văn Tâm	TV HĐQT	19/4/2018	4	100%

Danh sách các Nghị quyết ban hành tại các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01-2020/NQ-HHC-HĐQT	27/03/2020	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 01 năm 2020
2	02-2020/NQ-HHC-HĐQT	09/06/2020	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 02 năm 2020
3	03-2020/NQ-HHC-HĐQT	18/09/2020	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 03 năm 2020
4	04-2020/NQ-HHC-HĐQT	19/12/2020	Nghị quyết tại phiên họp Hội đồng quản trị lần thứ 04 năm 2020

#### **1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập**

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban điều hành và tình hình của Công ty theo đúng trách nhiệm của mình, tuân thủ Pháp luật, Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Năm 2020, thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục, khách quan.

**1.5. Các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ về đào tạo quản trị Công ty:** 5/5 thành viên



## 2. Ban kiểm soát

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức danh trong BKS	Tỷ lệ nắm giữ cp có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Trần Thị Thu Hà	Trưởng BKS	0,103%	
2	Văn Tuấn Thạch	TV BKS	0%	
3	Phạm Thị Minh Tâm	TV BKS	0%	Ngày không còn là TV BKS 10/6/2020
4	Hoàng Thị Thu Nguyệt	TV BKS	0%	Ngày bắt đầu là TV BKS 10/6/2020

### 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã thực hiện 02 cuộc kiểm tra, giám sát để đảm bảo công ty thực hiện đúng theo Luật doanh nghiệp, Luật lao động, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Các báo cáo kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát đều được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

- Ngoài ra Ban kiểm soát còn tham dự vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến đóng góp về hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc điều hành và quản trị công ty.

- Ban kiểm soát chủ động phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về công tác thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như công tác hạch toán, kế toán.

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát tại đơn vị.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2020 thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty; Ban kiểm soát căn cứ vào các quy định của Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành, Chính sách tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty để thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng kỹ thuật kiểm tra cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu thuyết minh trên báo cáo tài chính; đánh giá

việc tuân thủ các chuẩn mực và các chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo. Ban kiểm soát cho rằng công việc thẩm định đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho các ý kiến nhận xét và kiến nghị đúng với chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Những hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát không trực tiếp tham gia quản trị điều hành, các hoạt động của Ban kiểm soát chỉ dựa trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Công ty cung cấp.

### 2.3. Nhận xét đánh giá của Ban kiểm soát

- Công ty đã thực hiện tuân thủ các quy định về công tác kế toán tài chính theo quy định của pháp luật.

- Công ty cần tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh, cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống nhất quán và phù hợp trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Hạn chế tối đa các khoản tạm ứng cá nhân và phải hoàn tạm ứng theo đúng quy định (nếu có).

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

#### 3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

3.1.1. Lương thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát chuyên trách, Giám đốc, cán bộ quản lý:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	Tổng thu nhập trong năm
1	Hoàng Xuân Thành	CT HĐQT	12	794.082.888
2	Trịnh Bảo Ngọc	TV HĐQT, Giám đốc	12	794.082.888
3	Nguyễn Xuân Sơn	TV HĐQT, Phó Giám đốc	12	724.123.207
4	Trần Văn Biên	Phó Giám đốc	12	741.225.092
5	Bùi Huy Thành	Phó Giám đốc	12	680.815.575
7	Trần Thị Thu Hà	Trưởng BKS	12	680.815.575
8	Võ Trung Chính	Kế toán trưởng	12	680.815.575



3.1.2. Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	Thù lao trong năm
1	Lê Hải Long	Thành viên HDQT	12	60.000.000
2	Vũ Văn Tâm	Thành viên HDQT	12	60.000.000
3	Văn Tuấn Thạch	TV BKS	12	48.000.000
4	Hoàng Thị Thu Nguyệt	TV BKS	7	21.636.364
4	Phạm Thị Minh Tâm	TV BKS	5	26.363.636

3.2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty.

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
I	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HDQT	7.600	0,0034%	307.600	0,131%	mua
II	Trịnh Bảo Ngọc	TV HDQT, Giám đốc	7.600	0,0034%	2.427.600	1,032%	mua
III	Nguyễn Xuân Sơn	TV HDQT, Phó giám đốc	5.700	0,0025%	207.700	0,088%	mua
1	Trần Thị Vân	Vợ	0	0	48.000	0,020%	mua
2	Nguyễn Thị Thu Hằng	Con	0	0	450.000	0,191%	mua
IV	Trần Văn Biên	Phó giám đốc	5.700	0,0025%	270.700	0,115%	mua
V	Bùi Huy Thành	Phó giám đốc	4.300	0,0019%	274.300	0,117%	mua
1	Hồ Thị Thắm	Vợ	950	0,0004%	10.950	0,005%	mua
VI	Võ Trung Chính	Kế toán trưởng	4.300	0,0019%	644.300	0,274%	mua
VII	Trần Thị Thu Hà	Trưởng BKS	1.625	0,0007%	241.625	0,103%	mua

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có*

3.4. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ tuyệt đối Quy chế quản trị Công ty.*

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

Đơn vị kiểm toán độc lập: **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

**1. Ý kiến kiểm toán:** *Chấp nhận toàn phần*

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

*Dính kèm: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**GIÁM ĐỐC**



**Trịnh Bảo Ngọc**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Nghệ An, tháng 02 năm 2021

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch
Ông Trịnh Bảo Ngọc	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Ủy viên
Ông Lê Hải Long	Ủy viên
Ông Vũ Văn Tâm	Ủy viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó giám đốc
Ông Trần Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Bùi Huy Thành	Phó giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Trịnh Bảo Ngọc**  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 03 tháng 02 năm 2021



Số: 07 /2021/BCKT-AVI-TC1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 02 năm 2021, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt tài sản ngắn hạn số tiền khoảng 346,56 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2019 khoảng 402,85 tỷ đồng). Điều này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Kế hoạch của Ban giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 29 phần Thuyết minh báo cáo tài chính: Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na đã được trình bày lại theo thông báo số 221/TB-KTNN ngày 18/08/2020 của Kiểm toán Nhà nước. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề nêu trên.



**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Báo cáo kiểm toán ngày 12/03/2020 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



\_\_\_\_\_  
**Ngô Việt Thanh**  
**Phó Tổng giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1687-2018-055-1

\_\_\_\_\_  
**Bùi Quốc Trung**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1937-2018-055-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**  
*Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2021*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

**MẪU SỐ B01 - DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>287.700.102.413</b>	<b>190.792.507.996</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>73.971.681.803</b>	<b>120.711.063.153</b>
1. Tiền	111		28.971.681.803	25.711.063.153
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	95.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>189.039.017.682</b>	<b>46.080.395.231</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	175.778.987.902	30.823.357.460
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.735.010.129	2.974.786.230
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	10.525.019.651	12.282.251.541
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>24.271.040.256</b>	<b>23.347.053.038</b>
1. Hàng tồn kho	141	10	24.271.040.256	23.347.053.038
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>418.362.672</b>	<b>653.996.574</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	201.900.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		216.462.672	653.996.574
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.823.813.005.427</b>	<b>4.102.115.627.168</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>14</b>	<b>3.787.480.070.147</b>	<b>4.064.729.244.982</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		3.787.480.070.147	4.064.729.244.982
- Nguyên giá	222		5.859.101.871.407	5.861.382.801.234
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.071.621.801.260)	(1.796.653.556.252)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>11</b>	<b>24.842.057.116</b>	<b>20.442.254.830</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		24.842.057.116	20.442.254.830
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.490.878.164</b>	<b>16.944.127.356</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	3.905.154.264	9.261.396.505
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		7.585.723.900	7.682.730.851
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.111.513.107.840</b>	<b>4.292.908.135.164</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

**MẪU SỐ B01 - DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.456.593.185.294</b>	<b>1.760.501.615.731</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>634.258.175.859</b>	<b>593.649.460.888</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	79.563.897.579	83.269.464.896
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.816.915	170.213.022
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.009.919.663	3.518.025.178
4. Phải trả người lao động	314		8.411.191.791	10.119.685.281
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	18.931.109.701	21.324.059.942
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	23.457.920.621	16.884.007.611
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	494.398.678.560	454.035.375.825
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	120.496.773
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.483.641.029	4.208.132.360
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>822.335.009.435</b>	<b>1.166.852.154.843</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	13	377.208.152	495.675.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	821.957.801.283	1.166.356.479.843
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.654.919.922.546</b>	<b>2.532.406.519.433</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>2.654.919.922.546</b>	<b>2.532.406.519.433</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.352.322.103.444	2.256.592.103.444
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.352.322.103.444	2.256.592.103.444
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		64.985.781.295	64.985.781.295
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.362.677.907	5.792.700.882
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		225.249.359.900	205.035.933.812
- Lũy kế đến cuối năm trước	421a		191.719.824.112	132.089.275.785
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		33.529.535.788	72.946.658.027
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.111.513.107.840</b>	<b>4.292.908.135.164</b>

Nghệ An, ngày 03 tháng 02 năm 2021

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Võ Trung Chính

Giám đốc



Trịnh Bảo Ngọc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**MẪU SỐ B02 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2020	2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	604.196.230.759	661.951.613.312
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		604.196.230.759	661.951.613.312
4. Giá vốn hàng bán	11	20	412.295.456.435	389.345.039.713
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		191.900.774.324	272.606.573.599
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.471.559.924	6.685.917.918
7. Chi phí tài chính	22	21	135.084.946.761	174.483.866.373
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		133.915.535.852	173.314.455.464
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	22.910.461.735	26.801.597.505
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.376.925.752	78.007.027.639
11. Thu nhập khác	31		387.980.698	312.693.639
12. Chi phí khác	32		298.869.861	968.881.740
13. Lợi nhuận khác	40		89.110.837	(656.188.101)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.466.036.589	77.350.839.538
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	1.936.500.801	4.404.181.511
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33.529.535.788	72.946.658.027
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	144	295

Nghệ An, ngày 03 tháng 02 năm 2021

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Võ Trung Chính

Giám đốc



Trịnh Bảo Ngọc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

**MẪU SỐ B03 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2020	2019
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	35.466.036.589	77.350.839.538
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	282.752.335.096	271.020.534.489
- Các khoản dự phòng	03	(120.496.773)	120.496.773
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.471.559.924)	(1.297.741.957)
- Chi phí lãi vay	06	133.915.535.852	173.314.455.464
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	450.541.850.840	520.508.584.307
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(142.584.288.736)	101.543.440.864
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(826.980.267)	(3.838.064.343)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	4.583.080.350	(15.598.208.094)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	5.154.342.241	(8.853.802.716)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(136.854.630.337)	(180.511.082.087)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.196.884.569)	(4.252.757.825)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	23.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.958.534.371)	(3.911.781.961)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>173.880.955.151</b>	<b>405.086.328.145</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(13.700.205.531)	(19.218.443.202)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	176.135.454
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	42.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.385.244.855	2.507.030.137
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(12.314.960.676)</b>	<b>25.464.722.389</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	95.730.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	126.208.864.834	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(430.244.240.659)	(459.379.893.124)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(208.305.375.825)</b>	<b>(459.379.893.124)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(46.739.381.350)</b>	<b>(28.828.842.590)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>120.711.063.153</b>	<b>149.539.905.743</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>73.971.681.803</b>	<b>120.711.063.153</b>

Nghệ An, ngày 03 tháng 02 năm 2021

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Võ Trung Chính

Giám đốc



Trịnh Bảo Ngọc



## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (gọi tắt "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 16 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh là 2.352.322.100.000 đồng tương ứng với 235.232.210 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch tại sàn chứng khoán Upcom với mã cổ phiếu là HNA.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: sản xuất, mua bán điện năng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Xây dựng nhà để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà để ở ở;
- Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng văn phòng, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra, đo lường, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị Nhà máy thủy điện;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy thủy điện.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hòa Na.

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Tại ngày 31/12/2020, nợ ngắn hạn của Công ty vượt tài sản ngắn hạn số tiền khoảng 346,56 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2019 khoảng 402,85 tỷ đồng). Để đảm bảo khả năng thanh toán, Ban Giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh hợp lý, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm và huy động từ các nguồn vốn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng báo cáo tài chính này được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.



Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán được trích lập phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị quản lý	03 - 05

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định khắc phục sự cố có giá trị lớn và các khoản trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi



*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm phát sinh. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

### **Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí phải trả các nhà thầu và chi phí hoạt động khác.

### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả phản ánh dự phòng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định nhà máy thủy điện Hủa Na. Các khoản dự phòng phải trả hàng kỳ được ghi nhận dựa trên cơ sở ước tính của Công ty về tổng giá trị các khoản phí cần thiết để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa cho mỗi chu kỳ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định là 48 tháng và phân bổ đều cho số tháng thực hiện. Chi phí thực tế bỏ ra để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định phát sinh trong kỳ được hạch toán giảm vào số dự phòng phải trả.

### **Vay và nợ thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.



**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận căn cứ vào biên bản tổng hợp giao nhận điện năng giữa Công ty và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu được ghi nhận bao gồm các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt tính trong giá quyết toán hàng tháng với Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.



**Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng chung Tổng Công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	104.087.508	92.629.076
Tiền gửi ngân hàng	28.867.594.295	25.618.434.077
Các khoản tương đương tiền (i)	45.000.000.000	95.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>73.971.681.803</u></b>	<b><u>120.711.063.153</u></b>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc là 01 tháng, lãi suất từ 3,75%/năm đến 4%/năm.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	175.774.484.483	30.758.296.160
Các khách hàng khác	4.503.419	65.061.300
<b>Cộng</b>	<b><u>175.778.987.902</u></b>	<b><u>30.823.357.460</u></b>

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

## 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty CP Tư vấn Xây dựng công trình Thăng Long	323.301.900	682.143.900
Công ty TNHH MTV Tư vấn thiết kế và Xây dựng Quang Trang	-	623.614.609
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Kiểm định xây dựng Miền Trung	545.081.407	545.081.407
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Giao thông 4	355.959.662	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Tây An	500.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.010.667.160	1.123.946.314
<b>Cộng</b>	<b>2.735.010.129</b>	<b>2.974.786.230</b>

## 8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	9.918.390.287	-	12.023.499.500	-
Lãi dự thu	142.808.219	-	56.493.150	-
Tạm ứng	387.345.182	-	125.042.762	-
Phải thu ngắn hạn khác	76.475.963	-	77.216.129	-
<b>Cộng</b>	<b>10.525.019.651</b>	<b>-</b>	<b>12.282.251.541</b>	<b>-</b>

## 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>201.900.000</b>	<b>-</b>
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	201.900.000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>3.905.154.264</b>	<b>9.261.396.505</b>
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	3.905.154.264	9.261.396.505

## 10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.265.400.096	-	23.347.053.038	-
Công cụ, dụng cụ	5.640.160	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>24.271.040.256</b>	<b>-</b>	<b>23.347.053.038</b>	<b>-</b>



**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Chi phí xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện Hũa Na	21.190.593.539	18.458.485.355
Chi phí xây dựng khác	3.651.463.577	1.983.769.475
<b>Cộng</b>	<b><u>24.842.057.116</u></b>	<b><u>20.442.254.830</u></b>

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Lãi vay dự trả	10.726.745.298	13.665.839.783
Chi phí bảo hiểm phải trả	689.493.760	778.941.420
Chi phí phải trả nhà thầu	2.296.441.220	2.257.086.998
Chi phí phải trả khác	5.218.429.423	4.622.191.741
<b>Cộng</b>	<b><u>18.931.109.701</u></b>	<b><u>21.324.059.942</u></b>

**13. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>23.457.920.621</b>	<b>16.884.007.611</b>
Các loại thuế, phí tạm tính chưa kê khai (i)	22.632.187.437	15.341.783.194
Kinh phí công đoàn	125.117.817	43.915.466
Các khoản phải trả, phải nộp khác	700.615.367	1.498.308.951
<b>Dài hạn</b>	<b>377.208.152</b>	<b>495.675.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	377.208.152	495.675.000

- (i) Phản ánh số dư phải trả Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An về các khoản phải nộp về thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, phí bảo vệ môi trường và phí cấp quyền sử dụng nước mặt mà Công ty tạm tính, chưa kê khai và nộp cho Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

**14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2020	4.503.345.776.247	1.344.127.123.215	8.303.203.507	5.606.698.265	5.861.382.801.234
Tăng trong năm	4.603.184.494	-	1.171.032.727	-	5.774.217.221
Giảm khác	(8.055.147.048)	-	-	-	(8.055.147.048)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>4.499.893.813.693</b>	<b>1.344.127.123.215</b>	<b>9.474.236.234</b>	<b>5.606.698.265</b>	<b>5.859.101.871.407</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2020	1.255.239.345.634	531.798.402.053	5.150.958.443	4.464.850.122	1.796.653.556.252
Khấu hao trong năm	182.138.660.230	100.168.774.103	393.281.705	322.676.018	283.023.392.056
Giảm khác	(8.055.147.048)	-	-	-	(8.055.147.048)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>1.429.322.858.816</b>	<b>631.967.176.156</b>	<b>5.544.240.148</b>	<b>4.787.526.140</b>	<b>2.071.621.801.260</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2020	3.248.106.430.613	812.328.721.162	3.152.245.064	1.141.848.143	4.064.729.244.982
Tại ngày 31/12/2020	3.070.570.954.877	712.159.947.059	3.929.996.086	819.172.125	3.787.480.070.147
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	469.617.063	379.650.000	4.864.612.598	4.062.183.164	9.776.062.825

Như đã trình bày ở thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Na để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	4.932.780.271	4.932.780.271	4.932.780.271	4.932.780.271
Ban điều hành dự án thủy điện Hủa Na	46.367.015.302	46.367.015.302	46.480.885.494	46.480.885.494
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	20.026.382.739	20.026.382.739	20.026.382.739	20.026.382.739
Các nhà cung cấp khác	8.237.719.267	8.237.719.267	11.829.416.392	11.829.416.392
<b>Cộng</b>	<b>79.563.897.579</b>	<b>79.563.897.579</b>	<b>83.269.464.896</b>	<b>83.269.464.896</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	51.924.601.513	51.924.601.513	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.196.884.569	1.936.500.801	3.196.884.569	1.936.500.801
Thuế thu nhập cá nhân	321.140.609	539.230.236	786.951.983	73.418.862
Thuế tài nguyên nước	-	48.540.720.011	48.540.720.011	-
Phí bảo vệ môi trường rừng	-	14.462.223.300	14.462.223.300	-
Phí cấp quyền sử dụng nước mặt	-	17.860.267.000	17.860.267.000	-
Các loại thuế, phí khác	-	4.065.000	4.065.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.518.025.178</b>	<b>135.267.607.861</b>	<b>136.775.713.376</b>	<b>2.009.919.663</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Vay	Trả	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>126.208.864.834</b>	<b>76.208.864.834</b>	-	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Nghệ An (1)	50.000.000.000	50.000.000.000	126.208.864.834	76.208.864.834	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>444.398.678.560</b>	<b>444.398.678.560</b>	<b>344.398.678.560</b>	<b>354.035.375.825</b>	<b>454.035.375.825</b>	<b>454.035.375.825</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội (2)	66.553.678.560	66.553.678.560	66.553.678.560	48.053.678.560	48.053.678.560	48.053.678.560
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (3)	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Nghệ An (4)	281.893.000.000	281.893.000.000	181.893.000.000	210.029.697.265	310.029.697.265	310.029.697.265
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (5)	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000	35.952.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>821.957.801.283</b>	<b>821.957.801.283</b>	-	<b>344.398.678.560</b>	<b>1.166.356.479.843</b>	<b>1.166.356.479.843</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội (2)	145.991.893.496	145.991.893.496	-	66.553.678.560	212.545.572.056	212.545.572.056
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (3)	244.984.560.000	244.984.560.000	-	60.000.000.000	304.984.560.000	304.984.560.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Nghệ An (4)	341.086.228.811	341.086.228.811	-	181.893.000.000	522.979.228.811	522.979.228.811
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội (5)	89.895.118.976	89.895.118.976	-	35.952.000.000	125.847.118.976	125.847.118.976
<b>Cộng</b>	<b>1.316.356.479.843</b>	<b>1.316.356.479.843</b>	<b>470.607.543.394</b>	<b>774.642.919.219</b>	<b>1.620.391.855.668</b>	<b>1.620.391.855.668</b>

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Nghệ An (OCB) theo hợp đồng tín dụng số 0001/2020/HĐTĐ-OCB-DN ngày 14/01/2020. Hạn mức cho vay tối đa là 50 tỷ đồng theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0001.02/PLHĐTĐ ngày 08/05/2020, hạn mức tín dụng trên đã bao gồm dư nợ và số dư của các khoản cho vay ngắn hạn, chiết khấu, bao thanh toán, bảo lãnh, phát hành L/C mà OCB đã cấp tính đến thời điểm ký hợp đồng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng. Riêng thời hạn cho vay không vượt quá 05 tháng. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động kinh doanh sản xuất điện năng. Lãi suất được quy định tại từng kế ước nhận nợ cụ thể. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.



*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- (2) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng đồng tài trợ số 01.09.001.286688.TD ngày 18 tháng 8 năm 2009 với 03 ngân hàng gồm Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - PVcombank) và Ngân hàng TMCP Bắc Á. Theo phụ lục hợp đồng số 01.09.001.286688.TD tháng 08 năm 2012, khoản vay đồng tài trợ này thay đổi chỉ còn 02 ngân hàng tài trợ bao gồm MB (ngân hàng đầu mối) và PVcombank với tổng số tiền cho vay là 328,78 tỷ đồng. Mục đích của khoản vay là để thanh toán một phần các chi phí đầu tư máy móc thiết bị thủy công, thủy lực (không bao gồm lãi vay trong thời gian xây dựng) của Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy Thủy điện Hòa Na. Khoản vay được trả nhiều lần bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2024. Lãi suất bằng lãi suất bình quân tham chiếu cộng thêm 3,0%/năm nhưng không thấp hơn bình quân lãi suất cho vay trung/dài hạn tối thiểu của các bên cho vay. Tại ngày 31/12/2020, lãi suất đang áp dụng là 10,5%/năm. Lãi vay được trả hàng quý. Tài sản đảm bảo của khoản vay là toàn bộ công trình, quyền tài sản hình thành từ công trình và bảo lãnh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
- (3) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội gồm:
- Hợp đồng vay số 124.12/HĐTD/II ngày 17 tháng 12 năm 2012 với hạn mức vay là 200 tỷ đồng, số dư gốc vay tại ngày 31/12/2020 là 80.000.000.000 đồng. Mục đích của khoản vay để thanh toán các chi phí thi công của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Hòa Na. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được trả nhiều lần bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2024. Lãi suất bằng bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 05 ngân hàng công thêm biên độ 2,8%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu trung/dài hạn theo quy định của Ngân hàng TMCP An Bình. Tại ngày 31/12/2020, lãi suất là 8,9%/năm. Lãi vay được trả 06 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng giá trị máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của dự án và bảo lãnh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
  - Hợp đồng vay số 182/16/TD-TT/II ngày 21 tháng 01 năm 2016 với hạn mức vay là 300 tỷ đồng, số dư gốc vay tại ngày 31/12/2020 là 224.984.560.000 đồng. Mục đích của khoản vay là tài trợ các khoản chi phí tăng thêm sau khi điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Hòa Na. Khoản vay được trả làm 20 lần bắt đầu từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 1 năm 2026. Lãi suất bằng bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 03 ngân hàng công thêm biên độ 2,2%/năm kể từ năm thứ ba. Tại ngày 31/12/2020, lãi suất là 8,17%/năm. Lãi vay được trả 06 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng giá trị máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của Dự án và bảo lãnh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
- (4) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng tín dụng đầu tư số 382/2008/HĐTDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2008, hạn mức vay là 2.240 tỷ đồng. Mục đích của khoản vay để thực hiện đầu tư các hạng mục xây dựng và thiết bị của Dự án đầu tư nhà máy Thủy điện Hòa Na. Thời hạn vay tối đa là 12 năm kể từ ngày rút vốn lần đầu vào tháng 03 năm 2009. Thời gian ân hạn tối đa là 04 năm kể từ tháng 03 năm 2009 đến hết tháng 02 năm 2013. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2013 đến năm 2022 (theo phụ lục số 23/2014/HĐSĐBSTĐĐT-NHPT ngày 25 tháng 8 năm 2014 và Phụ lục số 07/2017/HĐSĐ-BS-NHPT-NAN ngày 28 tháng 04 năm 2017 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02/2020/HĐSĐ,BS-NHPT-NAN ngày 12/03/2020 về việc sửa đổi thời hạn trả nợ gốc, lãi như sau: Điều chỉnh giảm 100 tỷ mức trả nợ gốc 2020 và tăng tương ứng mức trả nợ gốc năm 2022, giữ nguyên mức trả nợ gốc năm 2021), chịu lãi suất theo lãi suất công bố của Bộ Tài chính theo từng thời điểm giải ngân. Tại thời điểm 31/12/2020, lãi suất của các khế ước từ 6,9% đến 8,55%/năm, lãi vay được trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo là các tài sản được hình thành từ vốn vay.
- (5) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng số 12.08.005/HĐTD-HUANA ngày 05 tháng 03 năm 2012 với hạn mức vay là 400 tỷ đồng. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ của Dự án đầu tư nhà máy Thủy điện Hòa Na. Theo thông báo số 138/TB-CNTPHN ngày 16/01/2013, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội điều chỉnh tổng hạn mức tín dụng cho công ty thành 371,216 tỷ đồng. Khoản vay sẽ được trả nhiều lần từ năm 2014 đến năm 2024. Lãi vay bằng lãi suất cơ sở cộng thêm 4,5%/năm nhưng không thấp hơn sàn lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội trong thời kỳ đó. Tại ngày 31/12/2020, lãi suất đang áp dụng là 10,5%/năm. Lãi vay được trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo của khoản vay là tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.



18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>	<b>2.256.592.103.444</b>	<b>64.985.781.295</b>	<b>5.792.700.882</b>	<b>138.673.153.617</b>	<b>2.466.043.739.238</b>
Lãi trong năm	-	-	-	72.946.658.027	72.946.658.027
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.583.877.832)	(6.583.877.832)
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>	<b>2.256.592.103.444</b>	<b>64.985.781.295</b>	<b>5.792.700.882</b>	<b>205.035.933.812</b>	<b>2.532.406.519.433</b>
Tăng vốn trong năm (i)	95.730.000.000	-	6.834.009.700	(6.834.009.700)	95.730.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	33.529.535.788	33.529.535.788
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	(6.482.100.000)	(6.482.100.000)
Giảm khác	-	-	(264.032.675)	-	(264.032.675)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>2.352.322.103.444</b>	<b>64.985.781.295</b>	<b>12.362.677.907</b>	<b>225.249.359.900</b>	<b>2.654.919.922.546</b>

(i) Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HHC-HĐQT ngày 02/03/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động tại Công ty (ESOP) với mục đích bổ sung nguồn vốn sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời nợ gốc, lãi vay ngân hàng và thanh toán các khoản chi phí sản xuất kinh doanh của công ty. Đến ngày 19/04/2020, Công ty đã kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu và phát hành được 9.573.000 cổ phiếu, tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu thêm 95.730.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2020, Công ty đã sử dụng toàn bộ nguồn vốn đầu tư chủ sở hữu tăng thêm nêu trên để thanh toán gốc và lãi vay đến hạn.

(ii) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 25/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 10/06/2020, theo đó:

- Trích quỹ đầu tư, phát triển 6.834.009.700 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 6.482.100.000 đồng



**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	1.898.727.600.000	80,72%	1.898.727.600.000	84,14%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	115.500.000.000	4,91%	115.500.000.000	5,12%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	105.000.000.000	4,46%	105.000.000.000	4,65%
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	87.200.270.000	3,71%	87.200.270.000	3,86%
Các cổ đông khác	145.894.230.000	6,20%	50.164.230.000	2,22%
<b>Cộng</b>	<b>2.352.322.100.000</b>	<b>100%</b>	<b>2.256.592.100.000</b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>235.232.210</b>	<b>225.659.210</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>235.232.210</b>	<b>225.659.210</b>
- Cổ phiếu phổ thông	235.232.210	225.659.210
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>235.232.210</b>	<b>225.659.210</b>
- Cổ phiếu phổ thông	235.232.210	225.659.210
<b>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán điện	521.732.022.921	581.794.980.413
Thuế tài nguyên nước, thuế bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác mặt nước	82.464.207.838	80.156.632.899
<b>Cộng</b>	<b>604.196.230.759</b>	<b>661.951.613.312</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	329.831.248.597	309.188.406.814
Thuế tài nguyên nước, thuế bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác mặt nước	82.464.207.838	80.156.632.899
<b>Cộng</b>	<b>412.295.456.435</b>	<b>389.345.039.713</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	133.915.535.852	173.314.455.464
Phí bảo lãnh các hợp đồng vay	1.169.410.909	1.169.410.909
<b>Cộng</b>	<b>135.084.946.761</b>	<b>174.483.866.373</b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	15.664.309.502	16.219.522.633
Chi phí vật liệu quản lý	280.299.327	314.645.309
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.280.036.429	1.158.152.306
Thuế, phí và lệ phí	4.065.000	4.065.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.525.624.177	1.835.079.473
Chi phí khác bằng tiền	4.156.127.300	7.270.132.784
<b>Cộng</b>	<b>22.910.461.735</b>	<b>26.801.597.505</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.940.410.274	5.236.098.568
Chi phí nhân công	37.793.955.717	38.926.346.852
Chi phí khấu hao tài sản cố định	282.752.335.096	271.020.534.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.996.910.604	21.260.872.926
Chi phí thuế tài nguyên, phí môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt	82.464.207.838	80.156.632.899
Chi phí khác bằng tiền	7.258.098.641	12.165.161.771
Điều chỉnh giá trị hàng tồn kho thừa sau kiểm kê	-	(12.619.010.287)
<b>Cộng</b>	<b>435.205.918.170</b>	<b>416.146.637.218</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>35.466.036.589</b>	<b>77.350.839.538</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được trừ</i>	3.263.979.427	4.586.851.842
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>38.730.016.016</b>	<b>81.937.691.380</b>
Thuế suất	10%	10%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>3.873.001.602</b>	<b>8.193.769.138</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(1.936.500.801)	(4.096.884.569)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	307.296.942
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.936.500.801</b>	<b>4.404.181.511</b>

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hủa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013, đối với hoạt động kinh doanh điện, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013) và giảm



50% cho chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2017). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc điều chỉnh (nếu có) sẽ được Công ty thực hiện khi có kết quả kiểm tra chính thức của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>33.529.535.788</b>	<b>72.946.658.027</b>
Trừ: quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(6.482.100.000)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>33.529.535.788</b>	<b>66.464.558.027</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	232.687.837	225.659.210
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>144</b>	<b>295</b>

(i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi giảm trừ vào lợi nhuận năm 2019 để tính lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 căn cứ theo Nghị quyết số 25/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 10/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa xác định số tiền sẽ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020, do đó chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2020 có thể sẽ thay đổi nếu Công ty có quyết định về việc trích quỹ này trong tương lai.

**26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty đã ký kết Hợp đồng thuê đất số 134/HĐ-TĐ ngày 09/09/2011 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thuê 809.930 m<sup>2</sup> đất tại xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An để thực hiện xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Thời hạn thuê đất là 46 năm kể từ ngày 09/09/2011 đến ngày 26/03/2058. Theo Quyết định số 1016/QĐ-CT ngày 09/06/2014 của Cục thuế tỉnh Nghệ An về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na, Công ty được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng (từ tháng 08 năm 2011 đến hết tháng 07 năm 2013) và thời gian ưu đãi đầu tư (từ tháng 08 năm 2013 đến hết tháng 07 năm 2028).

**27. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong kỳ như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối liên hệ</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Cổ đông
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh, Công ty có số dư vào giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

**Số dư với các bên liên quan**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	20.026.382.739	20.026.382.739
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	4.932.780.271	4.932.780.271
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	162.319.523	754.834.560
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.937.249.394	2.211.424.760
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	1.169.410.909	-
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	212.545.572.056	260.599.250.616

**Giao dịch với các bên liên quan**

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
<b>Phí quản lý</b>		
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	-	790.876.610
<b>Phí bảo lãnh</b>		
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	1.169.410.909	1.169.410.909
<b>Phí nhãn hiệu</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	725.824.634	2.211.424.760
<b>Trả gốc vay</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	48.053.678.560	33.253.678.560
<b>Lãi vay đã trả</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	25.300.780.741	29.480.819.390
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	4.289.640.455	6.334.916.872
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</b>	<b>3.909.412.674</b>	<b>4.283.353.060</b>
<b>Thu nhập của Ban kiểm soát</b>	<b>788.183.951</b>	<b>867.033.419</b>

**28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.



**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2019 đã được trình bày lại theo thông báo số 221/TB-KTNN ngày 18/08/2020 của Kiểm toán Nhà nước. Chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	31/12/2019	31/12/2019	Ảnh hưởng
		trước điều chỉnh	sau điều chỉnh	
		VND	VND	VND
<b>Tài sản dài hạn</b>				
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	20.000.653.836	20.442.254.830	441.600.994
Chi phí trả trước dài hạn	261	6.025.095.159	9.261.396.505	3.236.301.346
<b>Cộng</b>		<b>26.025.748.995</b>	<b>29.703.651.335</b>	<b>3.677.902.340</b>
<b>Nợ phải trả</b>				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.356.210.110	3.518.025.178	161.815.068
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22.414.533.693	21.324.059.942	(1.090.473.751)
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>				
LNST chưa phân phối năm nay	421b	68.340.097.004	72.946.658.027	4.606.561.023
<b>Cộng</b>		<b>94.110.840.807</b>	<b>97.788.743.147</b>	<b>3.677.902.340</b>

Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Năm 2019	Năm 2019	Ảnh hưởng
		trước điều chỉnh	sau điều chỉnh	
		VND	VND	VND
Giá vốn hàng bán	11	392.581.341.059	389.345.039.713	(3.236.301.346)
Chi phí khác	32	2.500.956.485	968.881.740	(1.532.074.745)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	72.582.463.447	77.350.839.538	4.768.376.091
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.242.366.443	4.404.181.511	161.815.068
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	68.340.097.004	72.946.658.027	4.606.561.023
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	303	295	(8)
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01	72.582.463.447	77.350.839.538	4.768.376.091
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	234.332.788	(1.297.741.957)	(1.532.074.745)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(5.617.501.370)	(8.853.802.716)	(3.236.301.346)

Nghệ An, ngày 03 tháng 02 năm 2021

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Võ Trung Chính

Giám đốc



Trịnh Bảo Ngọc